

NHẬN DIỆN NIỀM TIN XÃ HỘI CỦA TÍN ĐỒ CÔNG GIÁO TẠI HÀ NỘI VÀ NINH BÌNH

Tóm tắt: Niềm tin là một vấn đề cốt lõi trong cuộc sống con người. Ai cũng cần phải có niềm tin để sống. Thời gian gần đây, vấn đề niềm tin trở thành một chủ đề được quan tâm nhiều ở Việt Nam từ nhiều góc độ khác nhau. Ra đường, chúng ta thường nghe “liệu có tin được không?” hay “người đó có tin được không đấy?”... Sự khủng hoảng niềm tin có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng xã hội. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi không thể bao quát được toàn bộ nội dung liên quan đến niềm tin mà chỉ đi sâu vào nhận diện niềm tin xã hội của tín đồ Công giáo. Niềm tin xã hội trong bài viết cũng chỉ giới hạn trong khuôn khổ niềm tin cá nhân tức niềm tin cá nhân đối với nhóm xã hội và niềm tin cá nhân đối với các vấn đề xã hội. Nguồn dữ liệu của bài viết được lấy từ cuộc khảo sát tại Hà Nội và Ninh Bình do Viện Xã hội học thực hiện vào năm 2014.

Từ khóa: Niềm tin, tôn giáo, xã hội.

1. Đặt vấn đề

Niềm tin xã hội hiện là vấn đề thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu. Đối với thế giới, nghiên cứu về niềm tin xã hội không còn là chủ đề mới mẻ. Tuy nhiên, ở Việt Nam, cho đến nay, vẫn còn rất ít công trình đề cập tới vấn đề này. Liên quan đến niềm tin (trust) còn có các thuật ngữ như lòng tin (faith), đức tin (belief), sự tin tưởng (confidence) và sự tin cậy (realiance), v.v.. Những thuật ngữ này về nội hàm không hoàn toàn giống nhau nhưng có sự bổ trợ cho nhau. Những năm gần đây, ở Việt Nam, thuật ngữ “lòng tin” hay “niềm tin” hay được nhắc đến. Trước đây, trong cuộc kháng chiến trường kỳ giành độc lập dân tộc, niềm tin của toàn dân được đặt vào mục tiêu duy nhất là chiến thắng ngoại xâm, giành độc lập dân tộc. Ngày nay, trong thời kỳ xây dựng đất nước, niềm tin đó được chuyển tải vào các giá trị đạo đức, đoàn kết, hướng thiện của con

* TS., Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

người. Niềm tin đó được củng cố qua hoạt động của các thiết chế xã hội. Niềm tin xã hội có nhiều chiều cạnh khác nhau. Trong bài viết này, niềm tin được nhận diện theo chiều cạnh niềm tin cá nhân trong xã hội. Từ góc độ này, niềm tin xã hội của tín đồ Công giáo được xem xét là niềm tin của cá nhân tín đồ đối với tín đồ khác cùng tôn giáo và không cùng tôn giáo. Niềm tin là vấn đề đòi hỏi thời gian kiểm nghiệm, thử thách và tích lũy. Niềm tin phải được dựa trên sự trung thực trong suy nghĩ và minh bạch trong hành động, phải có sự thống nhất giữa lời nói và việc làm. Sự suy giảm niềm tin hoặc mất đi niềm tin sẽ dẫn đến những hệ lụy xã hội phức tạp.

Niềm tin xã hội có thể được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, song các nhà nghiên cứu xã hội chủ yếu tiếp cận vấn đề này từ hai góc độ: cá nhân và xã hội.

2. Các lý thuyết nghiên cứu

2.1. Lý thuyết cá nhân

Lý thuyết cá nhân được nhìn nhận từ góc độ của các nhà tâm lý xã hội, theo đó, niềm tin xã hội là cá tính hạt nhân của cá nhân. Lý thuyết này còn được gọi là lý thuyết thành công xã hội và hạnh phúc. Lý thuyết đó chỉ ra rằng, con người có niềm tin xã hội ngay từ khi còn ít tuổi và được duy trì trong cuộc đời. Niềm tin có thể giảm đi nhanh chóng khi trải qua một kinh nghiệm đau thương và có khả năng tăng lên nhờ sự tích lũy từ những hoàn cảnh thuận lợi. Các nhà tâm lý xã hội cho rằng, niềm tin xã hội là một phần của những đặc điểm tính cách rộng lớn bao gồm sự lạc quan, niềm tin vào sự hợp tác, và sự tin tưởng các cá nhân có thể giải quyết sự khác biệt của họ và sống một cách vui vẻ với nhau trong đời sống xã hội. Cách tiếp cận niềm tin xã hội thường ít chú ý đến thời thơ ấu mà chú ý đến giai đoạn đã trưởng thành. Người ta lập luận rằng, những người chiến thắng trong xã hội là những người có niềm tin - là những người giàu có và được giáo dục tốt, có địa vị kinh tế và xã hội cao. Niềm tin liên quan đến sự rủi ro. Người có cuộc sống tốt hơn được đối xử tốt hơn và có thể kích lệ ý thức về niềm tin, và sự thành công của họ có thể mang lại cho họ sự lạc quan, tự tin hơn người nghèo và như vậy người nghèo có thể là những người có xu thế hoài nghi, không tin và nghi ngờ người khác hơn người giàu.

Những nghiên cứu về giá trị thế giới và khảo sát xã hội tổng quát của Mỹ đã cung cấp bằng chứng cho cách tiếp cận này. Những nghiên cứu đó

đã chỉ ra rằng, niềm tin xã hội thường có ở những người đạt được thành công trong xã hội với sự đo lường về tiền bạc, địa vị, đẳng cấp nghề nghiệp, mức độ hài lòng với cuộc sống và hạnh phúc. Putnam¹ (2000:138) chỉ ra rằng, người “không có gì” có niềm tin kém hơn những người “có mọi thứ” có thể vì được mọi người thân thiện hơn và tôn trọng hơn. Và ngược lại, sự mất niềm tin là phổ biến ở người thất bại, những người có trình độ học vấn thấp, thu nhập thấp, địa vị xã hội thấp, và họ thường không hài lòng với cuộc sống của họ. Và như vậy, niềm tin xã hội là sản phẩm của kinh nghiệm sống của người trưởng thành. Những người may mắn nhận được sự tốt lành và hào phóng của cuộc sống thường có niềm tin cao hơn những người nghèo đói, bị thất nghiệp, bị phân biệt đối xử, và bị loại trừ.

2.2. Lý thuyết xã hội

Cách tiếp cận thứ hai về vấn đề niềm tin là đặt niềm tin trong sự thích nghi với xã hội hơn là sự thích nghi của cá nhân. Niềm tin không phải là đặc tính cơ bản của cá nhân mà do các cá nhân tham gia vào xã hội tạo nên, hoặc được hưởng lợi từ niềm tin vào văn hóa, xã hội, thể chế chính trị. Những yếu tố đó thúc đẩy, phát triển hành vi và thái độ của niềm tin.

Theo cách tiếp cận này, câu trả lời cho câu hỏi tiêu chuẩn của niềm tin, sẽ ít cho chúng ta thấy nhân cách hoặc khuynh hướng cá nhân hơn là cách họ ước tính sự tin cậy của xã hội xung quanh. Theo lý thuyết này, niềm tin là sản phẩm của kinh nghiệm và nó liên tục thay đổi, cập nhật những cảm giác đáng tin cậy và niềm tin đáp ứng với sự thay đổi của hoàn cảnh. Hardin² đã tiến hành khảo sát xã hội và đưa ra chỉ số tốt về mức độ niềm tin trong nhóm người được phỏng vấn. Chỉ số niềm tin đem lại cho chúng ta nhận thức về hệ thống xã hội hơn là nhận thức về cá nhân và loại hình xã hội mà họ đang sống.

Nếu niềm tin xã hội dựa trên hoàn cảnh xã hội trong đó mọi người tìm thấy chính mình thì nó phải được kết nối với các biến số xã hội. Tuy nhiên, có rất ít sự đồng tình về những biến đổi quan trọng. Quan điểm cổ điển là một xã hội được xây dựng trên một phạm vi rộng lớn và đa dạng của các hiệp hội và tổ chức tự nguyện có khả năng tạo ra các mức độ cao đối với niềm tin xã hội. Lý thuyết này của Tocqueville và John Stuart Mill đưa ra (Putnam 2000)³. Bel⁴ đưa ra lý thuyết tổ chức tình nguyện qua việc nghiên cứu sự tham gia của cá nhân trong các tổ chức tình nguyện và thấy rằng thói quen cốt lõi của niềm tin là có đi có lại,

hợp tác, sự đồng cảm với người khác và sự hiểu biết về lợi ích chung. Từ quan điểm này, hình thức quan trọng nhất của sự tham gia là hình thức trực tiếp, mặt đối mặt, và tham gia một cách bền vững trong tổ chức tình nguyện ở cộng đồng địa phương. Các mức độ của niềm tin xã hội với các thành viên và hoạt động trong tổ chức tình nguyện và các tổ chức khác cũng thể hiện qua kết quả khảo sát thống kê của các tổ chức này tại Mỹ.

Ở đây, góc độ lý thuyết cá nhân trong phân tích về niềm tin tập trung vào vấn đề niềm tin của bản thân cá nhân đối với tôn giáo hay niềm tin tôn giáo cá nhân và niềm tin trong tương tác giữa cá nhân và cá nhân (niềm tin của các nhân đối với các nhóm xã hội khác nhau). Góc độ lý thuyết xã hội được tập trung vào vấn đề niềm tin của cá nhân vào các vấn đề xã hội. Bài viết mang tính nhận diện vấn đề niềm tin, tìm hiểu vai trò của tôn giáo đối với việc xây dựng niềm tin và chưa đi sâu phân tích tác động của niềm tin đó tới đời sống cá nhân và xã hội do vậy các yếu tố như nhóm có niềm tin thấp thì cuộc sống sẽ bị ảnh hưởng như thế nào như lý thuyết cá nhân đưa ra phần trên sẽ dành cho một nghiên cứu khác.

3. Những đặc điểm cơ bản về niềm tin tôn giáo của tín đồ Công giáo tại Hà Nội và Ninh Bình

Niềm tin tôn giáo là vấn đề khó đo lường trực tiếp. Chúng tôi “đo lường niềm tin tôn giáo” thông qua các chỉ báo về hành vi tôn giáo. Cụ thể, chúng tôi khảo sát việc cá nhân tham gia vào các hành vi tôn giáo để định vị niềm tin tôn giáo cá nhân. Với cách tiếp cận như vậy, đặc điểm niềm tin tôn giáo được biểu hiện qua cách thức cá nhân tham gia vào hành vi tôn giáo.

3.1. Tín đồ Công giáo tại Hà Nội và Ninh Bình tham gia tích cực vào các hành vi tôn giáo

Về cơ cấu xã hội của mẫu khảo sát, chúng tôi tiến hành khảo sát 308 tín đồ Công giáo tại Hà Nội và Ninh Bình, trong đó, 149 tín đồ Hà Nội (chiếm 48,4%) và 159 tín đồ Ninh Bình (chiếm 51,6%). Về giới tính có 107 nam (chiếm 31,2%) và 236 nữ (chiếm 68,8%). Về cơ cấu tuổi, chúng tôi chia các khoảng tuổi 15-30, 31-45, 46-60 và trên 60, gồm có: từ 15-30 có 66 (chiếm 21,6%); 31-45 có 78 (chiếm 25,5%); 46-60 có 91 (chiếm 29,7%); và trên 60 có 73 (chiếm 23,2%). Về tình trạng hôn nhân, có 44 chưa kết hôn (chiếm 14,3%); 254 đã kết hôn (chiếm 82,5%), và 10 ly hôn, góa (chiếm 3,2%). Về trình độ học vấn, tiểu học có 43 (chiếm 13,9%);

THCS có 87 (chiếm 42,2%), THPT có 160 (chiếm 51,9%), trung cấp, đại học và trên đại học có 18 (chiếm 5,8%).

Về hành vi đi lễ nhà thờ, tín đồ Công giáo tích cực tham gia hành vi tôn giáo này. Ý thức cao của tín đồ được thể hiện ở con số 88,0% tín đồ thường xuyên đi lễ; 9,7% thỉnh thoảng và chỉ có 2,3% không đi lễ bao giờ. Có sự chênh lệch nhỏ giữa nam và nữ trong hành vi đi lễ nhà thờ và sự khác biệt này không giống nhau giữa các địa bàn nghiên cứu. Trong đó, tại Hà Nội, nam có xu hướng tham gia đi lễ nhà thờ thường xuyên hơn nữ, và ngược lại, tại Ninh Bình, nữ có xu hướng tham gia đi lễ nhà thờ thường xuyên hơn nam.

Bảng 1: Mức độ tham gia đi lễ nhà thờ của tín đồ Công giáo Hà Nội và Ninh Bình xét tương quan giới

Mức độ đi lễ nhà thờ	Tỉnh, thành phố							
	Hà Nội				Ninh Bình			
	Giới tính				Giới tính			
	Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	Tần suất	Tỷ lệ %	Tần suất	Tỷ lệ %	Tần suất	Tỷ lệ %	Tần suất	Tỷ lệ %
Thường xuyên	55	88.7	71	84.5	43	86.0	98	91.6
Thỉnh thoảng	6	9.7	11	13.1	4	8.0	9	8.4
Hiếm khi	1	1.6	1	1.2	2	4.0		
Không bao giờ			1	1.2	1	2.0		

Trong khi đó tại Pháp, vào năm 1984, trong số tín đồ Công giáo, chỉ có 13% đi lễ nhà thờ đều đặn, 7% đi một hoặc hai lần một tháng, những người khác không đi lễ hoặc hầu như là không. Khảo sát gần nhất vào 2004 cho kết quả chỉ 7,7% đi dự lễ tháng một hoặc hai lần⁵. Như vậy, chuẩn mỗi tuần một lần đã được hạ xuống tính theo tháng và tỷ lệ này cũng rất thấp. Nếu so sánh số liệu của Pháp và số liệu khảo sát tại Việt Nam thì tỷ lệ đi lễ nhà thờ thường xuyên (mức hằng tuần) của tín đồ Công giáo Việt Nam là rất ấn tượng. Số liệu này không chỉ thể hiện trong cuộc khảo sát vừa qua của chúng tôi mà được thể hiện trong nhiều cuộc khảo sát khác của Viện Nghiên cứu Tôn giáo từ 1995 đến nay.

Lý do đi lễ nhà thờ của tín đồ một lần nữa khẳng định mức độ thuần thành cao của tín đồ Công giáo. Có đến 93,2% đi lễ vì đức tin tôn giáo,

27,3% vì bổn phận và chỉ có 19,5% vì sự mong muốn của người thân trong gia đình và đồng đạo. Có sự khác biệt giữa nam và nữ trong việc lựa chọn lý do đi lễ. Trong đó, tỷ lệ nam giới đi lễ vì đức tin ở cả Hà Nội và Ninh Bình đều thấp hơn nữ giới. Tỷ lệ nam tín đồ Hà Nội cho rằng đi lễ vì bổn phận nhiều hơn nữ tín đồ (tuy nhiên mức chênh lệch đáng kể), ngược lại, tại Ninh Bình tỷ lệ nữ tín đồ cho rằng đi lễ là bổn phận cao hơn hẳn nam giới.

Bảng 2: Lý do đi lễ của tín đồ Công giáo ở Hà Nội và Ninh Bình

Lý do đi lễ			Tỉnh, thành phố			
			Hà nội		Ninh Bình	
			Giới tính		Giới tính	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
Vì đức tin	Có	Tần suất	57	79	45	102
		Tỷ lệ %	91.9	95.2	90.0	95.3
	Không	Tần suất	5	4	5	5
		Tỷ lệ %	8.1	4.8	10.0	4.7
Vì bổn phận	Có	Tần suất	49	64	28	78
		Tỷ lệ %	79.0	77.1	56.0	72.9
	Không	Tần suất	13	19	22	29
		Tỷ lệ %	21.0	22.9	44.0	27.1
Vì người thân trong gia đình mong muốn	Có	Tần suất	51	72	36	83
		Tỷ lệ %	82.3	86.7	72.0	77.6
	Không	Tần suất	11	11	14	24
		Tỷ lệ %	17.7	13.3	28.0	22.4

Về hành vi tham gia các hội đoàn Công giáo, số liệu khảo sát cũng thể hiện mức độ tham gia cao của các tín đồ vào các loại hội đoàn khác nhau. Hầu như tín đồ Công giáo nào cũng đều tham gia vào một hội đoàn Công giáo (52,3% tham gia vào các hội đoàn Công giáo và 27,9% tham gia ban hành giáo). Ngược lại, tỷ lệ tín đồ tôn giáo tham gia vào các đoàn thể xã hội còn thấp.

Bảng 3: Sự tham gia các đoàn thể xã hội của tín đồ Công giáo xét tương quan giới

Tổ chức, đoàn thể			Tỉnh, thành phố			
			Hà nội		Ninh Bình	
			Giới tính		Giới tính	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
Tổ chức Đảng	Có	Tần suất	6	3	7	8
		Tỷ lệ %	9.8	3.8	14.0	8.3
	Không	Tần suất	55	75	43	88
		Tỷ lệ %	90.2	96.2	86.0	91.7
Tổ chức chính quyền	Có	Tần suất	7	6	17	24
		Tỷ lệ %	11.5	7.7	34.0	25.0
	Không	Tần suất	54	72	33	72
		Tỷ lệ %	88.5	92.3	66.0	75.0
Tổ chức Mặt trận	Có	Tần suất	12	2	16	20
		Tỷ lệ %	19.7	2.6	32.0	20.8
	Không	Tần suất	49	76	34	76
		Tỷ lệ %	80.3	97.4	68.0	79.2
Hội đồng giáo xứ (Ban hành giáo)	Có	Tần suất	15	12	21	35
		Tỷ lệ %	24.6	15.4	42.0	36.5
	Không	Tần suất	46	66	29	61
		Tỷ lệ %	75.4	84.6	58.0	63.5
Hội đoàn	Có	Tần suất	38	54	21	46
		Tỷ lệ %	62.3	69.2	42.0	48.4
	Không	Tần suất	23	24	29	49
		Tỷ lệ %	37.7	30.8	58.0	51.6

Như vậy, có sự khác biệt giữa các địa bàn nghiên cứu, giữa nam và nữ. Trong đó, nữ giới tích cực tham gia vào các hội đoàn tôn giáo hơn nam giới và nam giới tích cực tham gia vào các tổ chức đoàn thể xã hội hơn nữ giới. Đặc điểm này đúng với cả hai địa bàn nghiên cứu. Nếu so sánh hai địa bàn nghiên cứu, kết quả khảo sát cho thấy, tín đồ Ninh Bình tích cực tham gia vào cả tổ chức, đoàn thể xã hội và tôn giáo hơn tín đồ Hà Nội. Đặc biệt có tới 34% nam và 25% nữ tín đồ Ninh Bình tham gia các tổ chức chính quyền (so với 11,5% nam và 7,7% nữ của Hà Nội). Tỷ lệ nữ tín đồ Hà Nội tham gia vào các tổ chức xã hội là rất thấp (3,8% tham gia tổ chức Đảng, 7,7% tham gia tổ chức chính quyền và 2,6% tham gia tổ chức mặt trận).

Tín đồ Công giáo rất tích cực tham gia các hoạt động của xứ đạo, họ đạo. Có tới 85,4% tín đồ được khảo sát thường xuyên tham gia các hoạt động này. Có sự khác biệt trong việc tham gia hoạt động này giữa nam và nữ và giữa các địa bàn nghiên cứu. Trong đó, tại Hà Nội, nam tham gia nhiều hơn nữ (91,9% so với 73,8%); ngược lại tại Ninh Bình, nữ tham gia nhiều hơn nam (90,7% so với 86,0%).

3.2. Tín đồ Công giáo có niềm tin sâu sắc vào giáo lý Công giáo

Tín đồ Công giáo thể hiện niềm tin sâu sắc vào những tín điều cơ bản của giáo lý Công giáo. 95,8% tin có thiên đàng; 93,8% tin có địa ngục; 89,0% tin có luyện ngục; 94,8% tin loài người được Thiên Chúa sinh ra; 96,4% tin phép thánh thể (phép mình thánh để hiệp thông với Chúa); 92,2% tin có quỷ dữ; 94,5% tin tội tổ tông truyền; 86,4% tin ngày tận thế (Chúa tái lâm); 91,9% tin cuộc sống trên thiên đàng; 89,3% tin Đức Mẹ hiện ra; 85,1% tin có phép lạ; và 73,1% tin có số phận. Ở đây, chúng ta thấy rằng, niềm tin vào số phận có tỷ lệ thấp nhất. Điều này thể hiện rằng trong cuộc sống xã hội hiện đại, với những thành tựu khoa học kỹ thuật phát triển, con người đã tự tin hơn vào bản thân mình. Xét tương quan nam nữ thì nữ thể hiện niềm tin cao hơn nam giới.

Niềm tin vào giáo lý Công giáo có được nhờ sự tham gia vào quá trình học hỏi giáo lý. Có đến 86,4% tín đồ được hỏi thường xuyên tham gia các khóa học giáo lý. Tỷ lệ nữ tham gia học giáo lý nhiều hơn nam giới (trong tổng số những người tham gia học giáo lý thì có 35,9% nam và 64,1% nữ. Nếu tính số nam tham gia học giáo lý trên tổng số tín đồ nam thì có 83,2%; nếu tính số nữ tham gia học giáo lý trên tổng số tín đồ nữ thì có 88,0%). Có sự khác biệt về hành vi tham gia học giáo lý giữa các

địa bàn nghiên cứu. Tín đồ Hà Nội ít tham gia học giáo lý hơn tín đồ Ninh Bình (82,6% so với 90,0%). Hành vi tham gia học giáo lý của bố mẹ có ảnh hưởng trực tiếp tới con cái, thể hiện qua tỷ lệ cao tham gia đầy đủ các buổi giảng giáo lý theo lứa tuổi của mình: 69,2% trẻ em trong các gia đình khảo sát tham gia đầy đủ các lớp học giáo lý; 9,4% thỉnh thoảng tham gia; 15,9% hiếm khi và chỉ có 5,5% không bao giờ. Ninh Bình là nơi có truyền thống Công giáo lâu đời, các gia đình Công giáo có ý thức định hướng trẻ em thực hiện những yêu cầu cơ bản của tín đồ, thực tế cho thấy, trẻ em trong các gia đình Công giáo Ninh Bình tham gia học giáo lý nhiều hơn trẻ em trong các gia đình Hà Nội.

Bảng 4: Mức độ tham gia học giáo lý của trẻ em trong các gia đình Công giáo

Trẻ em trong các gia đình tham gia học giáo lý	Tỉnh, thành phố			
	Hà Nội		Ninh Bình	
	Tần suất	Tỷ lệ %	Tần suất	Tỷ lệ %
Đầy đủ	89	73.0	124	86.7
Thỉnh thoảng	19	15.6	10	7.0
Hiếm khi	4	3.3	2	1.4
Không bao giờ	10	8.2	7	4.9

Niềm tin tôn giáo sâu sắc của tín đồ Công giáo còn được thể hiện qua chỉ báo thực hiện các nghi thức tôn giáo. Đa số tín đồ thực hiện việc đọc kinh tại nhà hằng ngày (74,7%), số còn lại thỉnh thoảng có thực hiện hành vi này (22,7%), chỉ có 2,6% không đọc kinh bao giờ. Có sự khác biệt rõ rệt giữa các địa bàn nghiên cứu, trong đó, mức độ thực hành đọc kinh hằng ngày của tín đồ Công giáo Ninh Bình cao hơn hẳn so với Hà Nội.

Bảng 5: Mức độ thực hiện hành vi đọc kinh của tín đồ Công giáo

Đọc kinh cầu nguyện	Tỉnh, thành phố			
	Hà Nội		Ninh Bình	
	Tần suất	Tỷ lệ %	Tần suất	Tỷ lệ %
Hàng ngày	97	65.5	133	83.6
Thỉnh thoảng	47	31.8	23	14.5
Không bao giờ	4	2.7	3	1.9

Việc xưng tội cũng được các tín đồ Công giáo thực hiện nghiêm túc. 52,9% tín đồ thực hiện xưng tội năm một lần; 20,5% tín đồ thực hiện xưng tội một quý một lần; 12,7% tín đồ thực hiện xưng tội một tháng một lần;

9,1 % tín đồ thực hiện xưng tội mỗi khi nhận thấy mình đã phạm lỗi. Tín đồ Hà Nội thực hiện xưng tội thường xuyên hơn so với tín đồ Ninh Bình.

4. Đặc điểm cơ bản về niềm tin xã hội của tín đồ Công giáo

4.1. Niềm tin của tín đồ Công giáo đối với bản thân

Niềm tin xã hội nhìn từ góc độ cá nhân là niềm tin giữa cá nhân với cá nhân trong xã hội. Để nhận diện niềm tin này, chúng tôi xem xét mức độ niềm tin của cá nhân với các cá nhân thuộc các nhóm khác nhau trong xã hội. Nhóm đối tượng mà chúng tôi mong muốn tìm hiểu trong mối liên hệ với cá nhân tín đồ Công giáo gồm: người trong gia đình, chức sắc tôn giáo, bạn bè thân, bạn bè chung, hàng xóm, đồng nghiệp, cán bộ chính quyền địa phương, người mới quen, người lạ, người cùng tôn giáo. Kết quả cho thấy, mức độ niềm tin cao nhất được dành cho người trong gia đình sau đó là chức sắc tôn giáo.

Bảng 6: Niềm tin của tín đồ tôn giáo đối với các nhóm khác nhau trong xã hội

Loại người	Rất tin		Tin		Không tin nhiều		Không tin	
	Tần suất	%	Tần suất	%	Tần suất	%	Tần suất	%
Chức sắc Công giáo	155	50,3	139	45,1	11	3,6	3	1,0
Người trong gia đình	235	76,3	68	22,1	3	1,0	2	0,6
Bạn thân	34	11,0	224	72,7	46	14,9	4	1,3
Bạn bè chung	7	2,3	159	51,6	133	43,2	9	2,9
Hàng xóm	8	2,6	179	58,1	112	36,4	9	2,9
Đồng nghiệp	5	1,6	158	51,3	125	40,6	13	4,2
Cán bộ chính quyền địa phương	11	3,6	174	56,5	75	24,4	42	13,6
Người mới quen	2	0,6	20	6,5	133	43,2	153	49,7
Người lạ	6	1,9	6	1,9	26	8,4	270	87,7
Người cùng tôn giáo	36	11,7	186	60,4	68	22,1	18	5,9
Người theo tôn giáo nhưng không cùng tôn giáo	2	0,6	133	43,2	132	42,9	41	13,3
Người không theo tôn giáo	2	0,6	94	30,5	124	40,3	88	28,6

Trước tiên, xét ở mức độ tin tuyệt đối (rất tin) niềm tin cao nhất dành cho người trong gia đình với 76,3%; kế đến là chức sắc tôn giáo với 50,3%. Hai nhóm bạn thân và người cùng tôn giáo có tỷ lệ niềm tin tương đồng ở cấp độ này (11,0% và 11,7%). Các nhóm khác có tỷ lệ rất thấp ở mức độ niềm tin ở cấp độ rất tin. Niềm tin dành cho người trong gia đình chiếm vị trí cao nhất cho thấy vai trò quan trọng của gia đình trong đời sống cá nhân. Mỗi liên hệ giữa những người trong gia đình là mối liên hệ xã hội chặt chẽ nhất. Chức sắc tôn giáo là những người đại diện cho tôn giáo mà cá nhân đang theo đuổi. Như phần trên đã trình bày, tín đồ Công giáo có niềm tin tôn giáo sâu sắc, niềm tin đó được thể hiện qua các hành vi tôn giáo cũng như tin vào giáo lý tôn giáo. Ở đây, niềm tin tôn giáo còn được thể hiện qua niềm tin vào chức sắc tôn giáo. Niềm tin cao đối với chức sắc tôn giáo thể hiện tác động mạnh mẽ của tôn giáo đối với đời sống cá nhân. Thực tế cho thấy, tín đồ thường xin lời khuyên của chức sắc tôn giáo khi có việc quan trọng (40,6%). Tất nhiên tỷ lệ này vẫn thấp hơn rất nhiều so với tỷ lệ xin ý kiến người thân trong gia đình (84,4%). Lý giải với chúng tôi, một tín đồ cho biết “mỗi lúc có chuyện gì đó quan trọng thì trước tiên bao giờ tôi cũng hỏi ý kiến vợ, rồi nếu vấn đề nào mà các con có liên quan thì hỏi ý kiến các con. Cũng có những việc nếu thấy còn phân vân thì tôi hỏi linh mục. Biết là linh mục thì có nhiều lời khuyên hay nhưng mà linh mục bận lắm có phải lúc nào cũng đi lo các việc của nhà mình đâu. Nhưng mà tất cả những việc gì thuộc về việc của gia đình nhưng có liên quan đến đạo thì chúng tôi cũng đều ra hỏi linh mục cả...” (nam tín đồ 45 tuổi, Hà Nội). Kết quả khảo sát cũng cho thấy có đến 78,6% tín đồ thường xuyên nghe theo lời khuyên của các chức sắc tôn giáo, 15,3% thỉnh thoảng mới thực hiện lời khuyên này và chỉ có 2,9% tín đồ không bao giờ nghe lời khuyên của chức sắc tôn giáo. Có tới 94,8% tín đồ cho rằng những lời khuyên của chức sắc tôn giáo thực sự có hiệu quả giúp họ giải quyết vấn đề của mình, chỉ có 1,0% cho rằng không hiệu quả và 4,2% không có cảm nhận gì. Những vấn đề tín đồ thường xin lời khuyên từ các chức sắc là những vấn đề liên quan trực tiếp tới đời sống cá nhân như giáo dục con cái (88,0%), hôn nhân gia đình (81,5%), chăm sóc sức khỏe (75,6%), giao tiếp xã hội (73,7%), hướng nghiệp (45,8%). Tỷ lệ lời khuyên còn thấp ở lĩnh vực hướng nghiệp cho thấy hiện nay, tôn giáo chưa chú trọng tới việc định hướng nghề nghiệp cho tín đồ. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, định hướng nghề nghiệp là vô cùng quan trọng đặc biệt đối với thế hệ trẻ. Đối với mỗi cá

nhân việc định hướng nghề nghiệp cho bản thân mình là một điều không hề dễ dàng, nó quyết định đến sự thành công hoặc thất bại của cá nhân trong tương lai. Việc định hướng nghề nghiệp cho tầng lớp trẻ không chỉ là trách nhiệm của cá nhân mà còn là của gia đình, tập thể, của toàn xã hội để giúp trẻ khám phá tiềm năng bản thân. Không chú trọng tới việc giúp tín đồ khám phá năng lực bản thân để có định hướng tốt cho cá nhân là một thiếu sót của các tổ chức tôn giáo hiện nay.

Hiện tín đồ Công giáo có tần suất tham gia sinh hoạt tôn giáo thường xuyên, mức độ niềm tin tôn giáo cao, điều đó thể hiện tôn giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống cá nhân và xã hội của tín đồ. Trong sinh hoạt tôn giáo, chức sắc tôn giáo có thể giúp cho bản thân cá nhân các tín đồ tự khám phá ra năng lực tự thân và qua đó, các chức sắc tôn giáo có thể giúp các tín đồ có được định hướng nghề nghiệp của mình. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng để quyết định chất lượng tín đồ. Tín đồ tốt không chỉ đơn thuần là một tín đồ thuần thành mà còn phải là một công dân tốt, có ích cho xã hội bằng năng lực tự thân. Trong trường hợp năng lực tự thân được phát huy, tín đồ không chỉ đóng góp cho gia đình, xã hội mà còn góp phần xây dựng đạo tốt hơn.

Yếu tố tôn giáo có tác động đến niềm tin cá nhân. Như trên đã phân tích, chức sắc tôn giáo, những người đại diện cho tôn giáo có được sự tin tưởng cao của tín đồ với mức độ rất tin 50,3%, tin 45,1%, không tin nhiều 3,6% và không tin 1,0%. Những nhóm xã hội khác, nhóm có yếu tố tôn giáo cũng đạt được mức độ niềm tin cao hơn. Mức độ niềm tin cao nhất được dành cho những người chia sẻ cùng đức tin tôn giáo với 11,7% rất tin, 60,4% tin, 22,1 không tin nhiều và 5,9% không tin. Đối với người theo tôn giáo nhưng không cùng tôn giáo mức độ niềm tin thấp hơn với 0,6% rất tin, 43,2% tin, 42,9% không tin nhiều và 13,3% không tin. Mức độ niềm tin thấp nhất ở người không theo tôn giáo với rất tin 0,6%, tin 30,5%, không tin nhiều 40,3% và không tin 28,6%.

Có sự khác biệt về niềm tin cá nhân giữa nam và nữ, cụ thể, nam có niềm tin vào các cá nhân khác cao hơn nữ. Điều này được thể hiện trong tỷ lệ các chỉ báo rất tin và tin của nam cao hơn nữ. Ví dụ, ở mức độ rất tin đối với chức sắc tôn giáo, tỷ lệ của nam là 51,3% thì tỷ lệ của nữ là 48,9%; mức độ tin đối với người theo tôn giáo nhưng không cùng tôn giáo của nam là 50,4% so với tỷ lệ của nữ là 39,5%. Như vậy, nếu xét niềm tin xã hội từ góc độ niềm tin cá nhân thì niềm tin của nam giới cao

hơn nữ giới. Người cùng tôn giáo cũng là nhóm mà các cá nhân lựa chọn để chia sẻ những chuyện vui buồn trong cuộc sống. Có tới 31,5% người được hỏi trả lời thường chia sẻ vui buồn cá nhân với những người đồng đạo. Tỷ lệ này cao hơn so với tỷ lệ chia sẻ cùng chức sắc tôn giáo (28,9%). Chức sắc tôn giáo là nhóm được coi trọng nhưng có khoảng cách riêng biệt đối với tín đồ. Do vậy, đây là nhóm có uy tín và tín đồ thường tìm tới họ để nghe lời khuyên nhiều hơn là chia sẻ những vấn đề của cuộc sống cá nhân.

4.2. Niềm tin của tín đồ Công giáo đối với xã hội

Xét từ góc độ xã hội, tín đồ Công giáo cũng thể hiện niềm tin cao đối với những vấn đề cốt lõi của xã hội hiện nay. Đa số tín đồ Công giáo tin tưởng vào thể chế xã hội hiện hành. 23,7% tín đồ được hỏi rất hài lòng, 57,5% hài lòng, 14,9% không hài lòng và 3,9% rất không hài lòng với cơ chế quản lý của Nhà nước hiện nay. Tỷ lệ rất hài lòng của nam cao hơn nữ (27,0% so với 22,8%) nhưng tỷ lệ hài lòng của nữ cao hơn nam (65,2% so với 48,6%); tỷ lệ không hài lòng của nam cao hơn nữ (21,6% so với 12,0%) và tỷ lệ rất không hài lòng chỉ có ở nam giới. Như vậy mức độ khác biệt về độ hài lòng với thể chế nhà nước của nam cao hơn nữ. Tín đồ Công giáo cũng có sự tin tưởng cao với định hướng phát triển kinh tế của nhà nước. 22,1% người được hỏi cảm thấy rất hài lòng với định hướng phát triển kinh tế của Nhà nước hiện nay; 64,3% hài lòng; 10,4% không hài lòng; và 3,2% rất không hài lòng. Có sự khác biệt giữa nam và nữ về mức độ hài lòng, trong đó, nam có tỷ lệ hài lòng tuyệt đối cao hơn nữ đồng thời cũng có tỷ lệ không hài lòng cao hơn. Điều đó cho thấy nam giới thể hiện lập trường rõ ràng hơn nữ giới khi đánh giá về mức độ hài lòng với một vấn đề then chốt của xã hội hiện nay.

Hiện nay, Nhà nước đang có những cải cách trên nhiều lĩnh vực khác nhau chẳng hạn như giáo dục, tín đồ Công giáo thể hiện niềm tin cao vào thành quả của cải cách: 56,5% rất tin tưởng rằng những cải cách này sẽ làm cho xã hội Việt Nam phát triển theo chiều hướng tốt đẹp; 27,6% tin; 10,7% không tin và 5,2% hoàn toàn không tin.

Tín đồ Công giáo cũng cho thấy sự tin tưởng vào hệ thống tư pháp của Nhà nước hiện nay (19,8% tín đồ được hỏi rất tin tưởng vào hệ thống pháp luật hiện nay của Nhà nước; 63,3% tin; 13,3% không tin, và 3,6% hoàn toàn không tin. 20,5% rất tin tưởng rằng pháp luật luôn công minh và mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; 59,4% tin; 17,2% không tin

và 2,9% hoàn toàn không tin). Tuy niềm tin của tín đồ Công giáo đối với hệ thống luật pháp hiện nay qua khảo sát là cao nhưng con số tỷ lệ về những người không tin và hoàn toàn không tin rất đáng được lưu tâm: 43,2% tín đồ được hỏi cho biết trước hiện tượng đạo đức xã hội đang suy thoái như hiện nay, họ cảm thấy lo lắng cho sự phát triển sau này. Cũng như vậy, 44,2% cảm thấy lo lắng cho sự phát triển của tương lai với hiện tượng tham nhũng hiện nay. Trong cuộc trò chuyện cùng chúng tôi, một tín đồ cho biết: “tham nhũng hiện nay là hiện tượng phổ biến trong xã hội. Cái gì có thể thì mọi người đều tham nhũng. Chúng tôi cũng chẳng hiểu nếu hiện tượng này cứ tiếp tục như vậy thì xã hội rồi sẽ đi về đâu. Bây giờ mà không ngăn chặn được thì con cháu sau này sẽ là người phải gánh chịu hết cả thôi. Mình là người Việt Nam thì luôn tin tưởng vào xã hội Việt Nam tốt đẹp, luôn mong muốn đời sống ngày càng tốt lên, nhưng mấy năm nay thì thấy khó khăn quá” (nam tín đồ, 47 tuổi, Hà Nội). Như vậy, mặc dù tín đồ Công giáo thể hiện niềm tin cao vào các vấn đề xã hội, nhưng đứng trước các vấn nạn xã hội hiện nay như suy thoái đức, tham nhũng, ảm sâu trong họ là những lo lắng, suy tư. Những suy tư của họ thể hiện sự lo lắng cho sự phát triển lâu dài của đất nước, của bản thân gia đình và con cái họ.

Tôn giáo có ảnh hưởng nhất định đến niềm tin xã hội của tín đồ Công giáo. Như trên đã trình bày, tín đồ Công giáo có tần suất đi lễ cao với 88% tín đồ thường xuyên đi lễ nhà thờ. Trong mỗi buổi lễ, bên cạnh việc truyền giảng giáo lý, linh mục hay những chức sắc đảm trách buổi lễ thường có đề cập đến những vấn đề xã hội. Những vấn đề xã hội này được truyền tải dưới nhãn quan của giáo lý tôn giáo. Thực tế, tín đồ thu nhận thêm kiến thức xã hội qua những buổi sinh hoạt tôn giáo. “Tôi không đọc báo bao giờ, ti vi cũng xem nhưng không phải ngày nào cũng xem. Thời sự thì vẫn có xem chứ nhưng nhiều khi lúc phát thời sự buổi tối thì còn làm việc này việc khác nên cũng nhiều khi không có để ý hết tin đâu. Nhiều khi đi lễ, nghe linh mục giảng, tôi biết nhiều vấn đề hiện nay trong xã hội. Thầy giảng thấy thích vì nó gần với giáo lý của chúng tôi, và thầy cũng cho những lời khuyên xem là với việc đó thì là con chiên của Chúa chúng tôi phải làm thế nào” (nữ, 56 tuổi, Hà Nội).

Tín đồ Công giáo chịu tác động của chức sắc tôn giáo, giáo lý tôn giáo khi đánh giá một vấn đề xã hội. Niềm tin vào vấn đề xã hội của tín đồ Công giáo chịu sự tác động trực tiếp bởi nhãn quan tôn giáo. Tín đồ đã sử dụng chuẩn mực tôn giáo làm thước đo đánh giá vấn đề xã hội, để định vị

niềm tin của mình. Chức sắc tôn giáo cũng có ảnh hưởng lớn đến niềm tin xã hội của tín đồ bởi đây là kênh trực tiếp chuyển tải nội dung giáo lý, chuẩn mực tôn giáo tới tín đồ. Định hướng vấn đề xã hội của chức sắc tôn giáo có tác động mạnh mẽ đến nhận thức của tín đồ. Tín đồ có xu hướng cho rằng những gì linh mục nói đều luôn đúng vì linh mục là đại diện cho Chúa. “Linh mục nói thì phải đúng chứ. Linh mục nói chúng tôi phải nghe chứ. Không chỉ việc đạo đâu, việc đời chúng tôi cũng vẫn nghe theo linh mục” (nữ, 47 tuổi, Hà Nội).

Quá trình tương tác khi tham gia sinh hoạt tôn giáo cũng là một nhân tố tác động đến nhận thức của các cá nhân qua các vấn đề xã hội. Trong những buổi sinh hoạt tôn giáo, tín đồ cùng nhau chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống trong đó có vấn đề xã hội. “Tôi, Chủ nhật nào cũng đi lễ nhà thờ. Đi thích chứ. Đến đó chúng tôi gặp gỡ đồng đạo, cùng chia sẻ với nhau mọi chuyện. Nhiều chuyện xã hội hiện nay chúng tôi đến đó, sau buổi lễ thì lại ngồi với nhau mà bàn tán. Cứ ở nhà thì chẳng có biết gì đâu. Đi thế biết nhiều hơn đấy. Bạn bè mỗi người biết một thứ, đến đó cho nhau biết thế là đỡ phải tìm hiểu” (nam, 58 tuổi, Hà Nội). Niềm tin đối với các vấn đề xã hội cũng đã được xây dựng trong sự trao đổi lẫn nhau của các tín đồ tôn giáo khi tham gia những buổi sinh hoạt tôn giáo như vậy.

5. Kết luận

Nghiên cứu khảo sát về niềm tin xã hội của tín đồ Công giáo đã chỉ ra hai chiều cạnh của niềm tin là niềm tin cá nhân và niềm tin xã hội. Ở góc độ niềm tin cá nhân, kết quả khảo sát niềm tin tôn giáo cá nhân cho thấy, tín đồ Công giáo có niềm tin tôn giáo sâu sắc. Niềm tin này được thể hiện qua những chỉ báo về việc tham gia vào các hành vi tôn giáo như đi lễ nhà thờ, thực hiện các nghi thức cơ bản của tôn giáo, tin vào những tín điều cơ bản của tôn giáo. Có sự khác biệt về niềm tin giữa nam và nữ, tuy nhiên khoảng cách khác biệt không lớn.

Ở góc độ xã hội, trước hết là niềm tin cá nhân với cá nhân, kết quả cũng thể hiện mức độ niềm tin khác nhau của cá nhân đối với các nhóm xã hội khác nhau. Ở khía cạnh này, tôn giáo có tác động tới niềm tin cá nhân. Những người trong gia đình là nhóm chiếm được lòng tin cao nhất. Thứ hai là chức sắc tôn giáo. Mức độ niềm tin dành cho chức sắc cao hơn nhiều so với mức độ dành cho bạn bè thân, đồng nghiệp, và các nhóm xã hội khác. Ảnh hưởng của tôn giáo đến niềm tin cá nhân còn

được thể hiện ở tỷ lệ niềm tin vào những người cùng tôn giáo cao hơn so với những người không cùng tôn giáo. Không những thế, những người không cùng tôn giáo có mức độ niềm tin thấp nhất. Lý do mà các tín đồ đưa ra là những người cùng đức tin tôn giáo sẽ có cùng hệ chuẩn mực giá trị, nhất là giá trị đạo đức do đó có thể tin tưởng ở họ. Những người có theo tôn giáo nhưng không cùng tôn giáo cũng là những người tuân thủ hệ chuẩn mực giá trị đạo đức, tuy nhiên, vì không cùng tôn giáo nên không thể xác định được chuẩn mực đức đó như thế nào nên niềm tin thấp hơn. Những người không theo tôn giáo trong quan niệm của các tín đồ là những người không phải tuân thủ chuẩn mực đạo đức như các tôn giáo đề ra, do vậy không có tiêu chuẩn nào để đánh giá vậy nên có mức độ niềm tin thấp nhất.

Đối với các vấn đề xã hội, tín đồ Công giáo thể hiện niềm tin đối với các vấn đề cơ bản của xã hội hiện nay. Đa số tín đồ có niềm tin vào định hướng phát triển của Nhà nước, tin tưởng vào cải cách của Nhà nước mang lại sự thay đổi tốt đẹp cho đất nước. Tín đồ Công giáo có cảm thấy thất vọng trước các hiện tượng suy thoái đạo đức hay tham nhũng hiện nay và cho rằng những hiện tượng này làm cho họ cảm thấy lo lắng về sự phát triển xã hội sau này. Tuy nhiên, người tín đồ có niềm tin cao đối với hệ thống luật pháp của nhà nước hiện nay, và tin tưởng vào sự phát triển tốt đẹp của xã hội Việt Nam sau này./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Robert Putnam (2000), *The Collapse and Revival of American Community*, New York, NY: Simon and Schuster.
- 2 Hardin, Russell (1993), "The street-level epistemology of trust", *Politics and Society*, 21 (December): 505-529.
- 3 Robert Putnam(2000), *The Collapse and Revival of American Community*, New York, NY: Simon and Schuster.
- 4 Bellah, Robert N., Madsen, Richard, Sullivan, William M. and Tipton, Steven M. (1985), *Habits of the Heart: Individualism and Commitment in American Life*. Berkeley and Los Angeles: University of California Press.
- 5 Olivier Bobineau, Sebastien tank Storper (2012), *Xã hội học tôn giáo*, Hoàng Thạch dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 93.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Robert Putnam(2000), *The Collapse and Revival of American Community*, New York, NY: Simon and Schuster.
2. Hardin, Russell (1993), "The street-level epistemology of trust", *Politics and Society*, 21 (December): 505-529.

3. Bellah, Robert N. , Madsen, Richard, Sullivan, William M. and Tipton, Steven M. (1985), *Habits of the Heart: Individualism and Commitment in American Life*, Berkeley and Los Angeles: University of California Press.
4. Nguồn số liệu từ khảo sát điều tra tín đồ Công giáo Hà Nội và Ninh Bình của tác giả.

Abstract

IDENTIFYING SOCIAL TRUST OF CATHOLICS IN HÀ NỘI AND NINH BÌNH

Trust is a core issue in human life. Everyone needs to have confidence to live. Recently, the issue of trust has become a topic that has led many concerns in different domain in Vietnam. On the street, we often hear “whether we believe in it?” or “Can we believe in that person?”... The crisis of confidence may be one of the causes which leads to social crisis. In the framework of this article, I cannot cover all contents related to the belief. I just identify social trust of Catholics. The social trust in this text is limited within personal belief that means personal belief towards social groups and personal beliefs towards social issues. This article is based on the data of the survey in Hanoi and Ninh Binh conducted by the Institute of Sociology, VASS, in 2014.

Keywords: Belief, religion, society.